

Số: /QĐ-SNNMT

Lai Châu, ngày tháng 7 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành hướng dẫn kỹ thuật trồng và chăm sóc cây chè
trên địa bàn tỉnh Lai Châu

GIÁM ĐỐC SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Quyết định số 07/2025/QĐ-UBND ngày 28/02/2025 của UBND tỉnh Lai Châu ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Lai Châu;

Căn cứ tiêu chuẩn quốc gia TCVN 10684-6:2018 cây công nghiệp lâu năm - tiêu chuẩn cây giống, hạt giống - phần 6: chè

Căn cứ Quyết định số 49/2024/QĐ-UBND ngày 09/10/2024 của UBND tỉnh Quy định định mức kinh tế - kỹ thuật, tiêu chuẩn một số giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản trên địa bàn tỉnh Lai Châu;

Căn cứ Quyết định số 263/QĐ-TT-CCN ngày 18/6/2015 của Cục Trồng trọt về công nhận tiến bộ kỹ thuật về quy trình trồng thâm canh chè Shan tập trung; Quyết định 231/QĐ-TT-CCN ngày 12/07/2010 của Cục Trồng trọt công nhận tiến bộ kỹ thuật về quy trình trồng một số giống chè nhập nội chất lượng; Quyết định số 269A/QĐ-MNPB-TBKT ngày 04/12/2012 Công nhận tiến bộ kỹ thuật dự án “hoàn thiện công nghệ nhân giống, trồng mới và phát triển 2 giống chè PH8, PH9 tại một số tỉnh miền núi phía bắc;

Căn cứ Công văn số 105/TT-CCN ngày 26/01/2022 của Cục Trồng trọt về việc ban hành Sổ tay hướng dẫn gói kỹ thuật canh tác thích ứng với biến đổi khí hậu cho một số cây trồng chủ lực;

Căn cứ Tài liệu hướng dẫn sản xuất chè bền vững do Trung tâm khuyến Nông quốc gia biên soạn, Nhà Xuất bản Nông nghiệp Hà Nội xuất bản 2023;

Theo đề nghị của Chi cục trưởng Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này hướng dẫn kỹ thuật trồng và chăm sóc cây chè trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

Điều 2. Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế các Quyết định: Số 456/QĐ-SNN ngày 15/12/2015 về việc Ban hành quy trình trồng và chăm sóc cây chè Shan giâm cành trên địa bàn tỉnh Lai Châu; số 238/QĐ-SNN ngày 06/6/2016 về việc Ban hành quy trình trồng và chăm sóc cây chè Kim tuyên giâm cành trên địa bàn tỉnh Lai Châu; số 134/QĐ-SNN ngày 31/3/2017 về việc Ban hành quy trình trồng và chăm sóc cây chè PH8, PH9 trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

Điều 3. Chánh Văn phòng Sở; Thủ trưởng các Phòng, đơn vị trực thuộc Sở; UBND các xã, phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Ban Giám đốc Sở;
- Lưu: VT, TT&BVTV.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Thành Đồng

HƯỚNG DẪN KỸ THUẬT TRỒNG VÀ CHĂM SÓC CÂY CHÈ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH LAI CHÂU

*(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-SNNMT ngày tháng 7 năm 2025
của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Lai Châu)*

I. YÊU CẦU VỀ ĐIỀU KIỆN SINH THÁI

1. Khí hậu

- Lượng mưa: Chè có nguồn gốc Á nhiệt đới nên đòi hỏi lượng mưa hàng năm lớn 1.500 - 2.000 mm.

- Ẩm độ không khí: Là một yếu tố quan trọng quyết định năng suất của cây chè, độ ẩm không khí phù hợp thì tốc độ ra búp mạnh, mật độ búp cao và trọng lượng búp lớn. Độ ẩm không khí từ 75- 80 % và độ ẩm đất 80 - 85% là phù hợp cho cây chè sinh trưởng và phát triển tốt.

- Nhiệt độ không khí: Ảnh hưởng lớn đến tốc độ ra búp, mật độ búp, trọng lượng búp và thời gian cho búp thu hoạch. Chè sinh trưởng tốt ở nhiệt độ 15 - 20°C. Trong quá trình sinh trưởng cây chè yêu cầu tổng lượng tích ôn trong năm là 3.500 - 4.000°C.

- Ánh sáng: Cây chè thích hợp ánh sáng tán xạ, cần có cây che bóng để cây sinh trưởng tốt.

2. Điều kiện đất đai

- Đất có tầng dày canh tác 50 cm trở lên, kết cấu tơi xốp.

- Độ sâu mực nước ngầm trên 01 m.

- Chọn những lô đất có độ dốc bình quân không quá 25°.

- Độ pH thích hợp 4 - 6. Hàm lượng mùn tổng số phải lớn hơn 2,0%.

II. KỸ THUẬT TRỒNG CHÈ

1. Thiết kế đồi, hàng chè

- Thiết kế từng đồi phải nằm trong thiết kế tổng thể chung toàn vùng.

- Thiết kế hàng:

+ Nơi đồi có độ dốc bình quân 6° trở xuống (cục bộ có thể tới 8°): Thiết kế hàng chè thẳng theo hàng dài nhất, song song với đường bình độ chính, hàng cụt xếp ở bìa lô.

+ Nơi đồi có độ dốc bình quân trên 6°: Thiết kế hàng theo đường đồng mức, hàng cụt xếp xen kẽ và tập trung thành nhóm số chẵn.

2. Làm đất

- Những vùng bằng phẳng có quy mô diện tích lớn áp dụng kỹ thuật bừa san và cày sâu toàn bộ bề mặt với độ sâu 20 - 25 cm. Trường hợp không cày toàn bộ bề mặt, phải đào rãnh trồng. Đào rãnh sâu 40 - 45 cm, miệng rộng 50 - 60 cm, đáy rộng 30 - 40 cm. Lấp đất mặt xuống dưới, lấp đất cái trên cách mặt đất 5 - 10 cm.

- Tùy vào điều kiện thực tế, thời gian làm đất tập trung từ đầu mùa khô (lượng mưa dưới 150 mm/tháng) để tránh xói mòn. Đối với đất mới khai hoang ít mùn, đất phục hóa nên trồng một vụ các cây họ đậu để cải tạo đất trước khi trồng chè.

3. Tiêu chuẩn giống

- Đối với chè giâm cành: Cây sinh trưởng khỏe, thân cây thẳng, cứng cáp, mức hóa nâu thân cây $\geq 50\%$, bầu nguyên vẹn, cây đã được huấn luyện từ 10 ngày đến 15 ngày, ≥ 8 lá thật trên cây, sạch sâu bệnh, phải được ngắt bỏ hết nụ hoa. Cụ thể:

+ Giống chè nhóm 1: Gồm các giống thuộc thứ chè Shan (*Camellia sinensis* var. *shan*) và Assamica (*Camellia sinensis* var. *assamica*), cây sinh trưởng khỏe, kiểu cây gỗ hoặc bán gỗ (PH1, PH11, PH12, PH14, Chát Tiên, Tham Vè,...): Đường kính thân $\geq 0,30$ cm; chiều cao cây: từ 25 cm đến 34 cm tính từ mặt bầu; tuổi cây: Từ 10 tháng đến 12 tháng kể từ khi cắm hom vào bầu.

+ Giống chè nhóm 2. Gồm các giống thuộc thứ chè Trung Quốc lá to (*Camellia sinensis* var. *macrophylla*), chè lai, cây sinh trưởng trung bình, kiểu cây bán gỗ (LDP1, LDP2, PH8, PH9, TRI777, Bát tiên,...): Đường kính thân $\geq 0,25$ cm, Chiều cao cây: từ 25 cm đến 29 cm tính từ mặt bầu; Tuổi cây: từ 8 tháng đến 12 tháng kể từ khi cắm hom vào bầu.

+ Giống chè nhóm 3. Gồm các giống thuộc thứ chè Trung Quốc lá nhỏ (*Camellia sinensis* var. *microphylla*), chè lai, kiểu cây bụi (Kim Tuyên, Thuý Ngọc, Phúc Vân Tiên, Hùng Đỉnh Bạch, PT95, Keo Am Tích,...): Đường kính thân $\geq 0,20$ cm, Chiều cao cây: từ 20 cm đến 30 cm tính từ mặt bầu; Tuổi cây: từ 8 tháng đến 12 tháng kể từ khi cắm hom vào bầu.

- Đối với chè shan nhân giống bằng hạt: đường kính thân $\geq 0,6$ cm; chiều cao cây 40 - 45 cm, có 10 - 12 lá thật; Tuổi cây: Từ 10 tháng đến 12 tháng Vô phía gốc màu đỏ nâu, phía ngọn xanh thẫm, lá chè to, dày, xanh đậm, bóng láng, không có nụ hoa.

4. Thời vụ: Tùy tình hình thời tiết hàng năm để bố trí khung thời vụ cho phù hợp. Tốt nhất trồng trong mùa mưa và kết thúc thời vụ trước mùa khô để đảm bảo tỷ lệ sống của cây trồng.

5. Mật độ, khoảng cách trồng: Tùy theo tình hình thực tế, địa hình canh tác, định mức hỗ trợ của tỉnh, các đơn vị, địa phương hướng dẫn kỹ thuật xác định mật độ, khoảng cách trồng cho phù hợp.

+ Chè Shan: Đối với đất dốc $> 15^{\circ}$, mật độ trồng từ 10.000-13.000 cây/ha, khoảng cách hàng cách hàng 1,5m, cây cách cây từ 0,5 m – 0,67 m; đối với đất dốc $\leq 15^{\circ}$, mật độ trồng từ 13.000 – 15.000 cây/ha; khoảng cách hàng cách hàng 1,5m, cây cách cây từ 0,44 m – 0,5 m.

+ Các giống chè giống mới nhập nội lai tạo: Đối với đất dốc $> 15^{\circ}$, mật độ trồng từ 16.000-18.000 cây/ha, khoảng cách hàng cách hàng 1,4m, cây cách cây từ 0,39-0,44 m; đối với đất dốc $\leq 15^{\circ}$, mật độ trồng từ 20.000-22.000 cây/ha, khoảng cách hàng cách hàng 1,4m, cây cách cây từ 0,32-0,36 m.

- Cách trồng: Đặt bầu vào hố rạch, bỏ túi bầu, lấp đất, nén đất đều xung quanh bầu, đặt mầm cây theo một hướng xuôi chiều gió chính. Trồng xong tủ cỏ, rác hai bên hàng chè hay hốc trồng bằng xác thực vật không có khả năng tái sinh. Tưới khi có điều kiện và rào xung quanh khu vực trồng để bảo vệ gia súc phá hại.

6. Trồng cây phân xanh, che bóng và cải tạo đất

Cây phân xanh và các cây trồng có khả năng cải tạo đất, làm phân bón để tăng chất dinh dưỡng cho cây chè, tốt nhất là các cây họ đậu.

- Thời vụ gieo: Từ tháng 1- 4 hàng năm, ngay sau khi làm đất trồng chè.

- Cách trồng: Cây hàng năm (*lạc, đậu...*) gieo giữa hàng, mật độ tùy theo loại cây, cách gốc chè ít nhất 40cm về mỗi bên. Chăm sóc các loại cây này như trồng thuần, khi thu hoạch để phân thân và chất xanh vùi, tủ cho chè.

Cây bóng mát bộ đậu, thân gỗ, tán thưa, rộng, không tranh chấp nước với cây chè về mùa đông, được trồng cùng hàng hay giữa hai hàng chè. Mật độ trồng tùy thuộc vào chiều cao cây, độ rộng tán cây che bóng. Cần cắt tỉa vào tháng 4 và tháng 9 để vùi, tủ cho chè.

III. KỸ THUẬT CHĂM SÓC

1. Giặm cây con: Nương chè phải được giặm cây con ngay từ năm đầu sau trồng vào những chỗ mất khoảng. Cây con đem giặm có cùng tuổi cây trồng trên nương. Trồng giặm cây vào ngày râm mát, mưa nhỏ hoặc sau mưa to. Giặm chè cần được tiến hành liên tục trong thời kỳ nương chè kiến thiết, đảm bảo nương chè đông đặc, đồng đều. Trồng giặm tốt nhất vào thời vụ xuân sớm (tháng 1 - 2), mưa nhỏ, đất vừa ẩm.

2. Bón phân (tính cho 1 ha chè): Tùy tình hình thực tế về thành phần thổ nhưỡng, sản lượng thu hoạch, định mức hỗ trợ của tỉnh, các đơn vị, địa phương xác định, hướng dẫn lượng phân bón và phương pháp bón cho phù hợp.

a) Bón lót trước khi trồng

Bón lót trước khi trồng 15 - 20 tấn phân hữu cơ hoại mục và 95-160 kg P_2O_5 , trộn đều phân với đất dưới rãnh, hàng trước khi trồng

b) Bón phân cho mỗi ha chè kiến thiết cơ bản

Loại chè	Loại phân	Lượng phân (kg, lít)	Số lần bón	Thời gian bón (vào tháng)	Phương pháp bón
Năm thứ 1	N	35-55	2	2 - 3 và 6 - 7	Trộn đều, bón sâu 6-8cm, cách gốc 15-30cm, lấp kín
	K_2O	35-55	1	2 - 3	
	Phân sinh học	10	1	8 - 9	
Năm thứ 2	N	70-80	2	2 - 3 và 6 - 7	Trộn đều, bón sâu 6-8cm, cách gốc 15-30cm, lấp kín
	P_2O_5	95-160	1	2 - 3	
	K_2O	35-70	1	2 - 3	
	Phân sinh học	10-15	1	4-5	
Năm thứ 3	N	110-120	2	2 - 3 và 6 - 7	Trộn đều, bón sâu 6-8cm, cách gốc 30-40cm, lấp kín
	P_2O_5	160-170	1	2 - 3	
	K_2O	90-100	2	2 - 3 và 6 - 7	
	Phân sinh học	20	1	4-5	

c) Bón phân cho chè kinh doanh

Loại chè	Loại phân	Lượng phân (kg)	Số lần bón	Thời gian bón (vào tháng)
----------	-----------	-----------------	------------	---------------------------

3 năm bón một lần	Hữu cơ	25.000-30.000	1	12-1
Năng suất búp dưới 60 tạ/ha	N	100-120	3-4	2 ; 4 ; 6 ; 8
	P ₂ O ₅	40-60	1	2
	K ₂ O	60-80	2	2 ; 4 ; 6 ; 8
Năng suất búp từ 60-80 tạ/ha	N	150-180	3-4	2 ; 4 ; 6 ; 8
	P ₂ O ₅	60-100	2	2 ; 8
	K ₂ O	60-100	4	2 ; 4 ; 6 ; 8
Năng suất búp từ 80-120 tạ/ha	N	180-300	3-4	2 ; 4 ; 6 ; 8
	P ₂ O ₅	100-160	1	2
	K ₂ O	120-200	2-3	2; 4; 6
Năng suất búp từ 120 tạ/ha trở lên	N	300-600	3-4	2 ; 4 ; 6 ; 8
	P ₂ O ₅	160-200	1	2
	K ₂ O	200-300	2-3	2; 4; 6

Cách bón: Trộn đều, bón rạch sâu 15 – 20 cm, cách góc 30 – 40 cm, lấp đất kín.

4. Phòng trừ cỏ dại

- Không sử dụng thuốc trừ cỏ phòng trừ cỏ dại trên nương chè.
- Đối với chè kiến thiết cơ bản: Xới cỏ, đảm bảo cỏ sạch quanh năm trên hàng chè; Riêng chè 1 tuổi cần nhổ cỏ tay ở gốc chè để bảo vệ được cây chè, giữa hàng trồng xen cây phân xanh, đậu đỗ.

- Đối với chè kinh doanh: Xới sạch cỏ dại, cây giữa hàng hoặc cây sâu 10 cm, lấp phân hữu cơ và cành lá già sau khi đốn.

5. Phòng trừ sâu, bệnh hại

Phòng trừ các đối tượng sâu hại trên chè bằng biện pháp quản lý dịch hại tổng hợp (IPM). Phải kiểm tra đồng ruộng thường xuyên, phát hiện sớm để tập trung phòng trừ.

- Biện pháp canh tác: Cày bừa diệt cỏ, vệ sinh nương đồi, lấp đất diệt

nhộng, diệt mầm bệnh, bón phân hợp lý

- Biện pháp sinh học, sinh thái: Trồng cây bóng mát với loại thích hợp và có mật độ đảm bảo độ ẩm trên nương chè. Hạn chế đến mức thấp nhất thuốc hoá học để đảm bảo duy trì tập đoàn thiên địch có ích, cân bằng sinh thái trên nương chè.

- Biện pháp hoá học: Chỉ sử dụng thuốc BVTV đăng ký sử dụng trên chè, nằm trong danh mục được phép sử dụng của Việt Nam; tuyệt đối không sử dụng thuốc BVTV ngoài danh mục, thuốc cấm sử dụng; sử dụng thuốc khi sâu bệnh đến ngưỡng phòng trừ, sử dụng theo nguyên tắc 4 đúng, bảo đảm thời gian cách ly trước khi thu hái búp chè, khuyến cáo người dân sử dụng các thuốc BVTV có nguồn gốc sinh học. Có thể sử dụng các loại thuốc có hoạt chất như: *Abamectin*, *Azadirachtin*,...trừ rầy xanh, nhện đỏ, bọ xít muỗi trên chè; *Cucuminoid*, *Kasugamycin*,...trừ bệnh phòng lá, chám xám trên chè; *Citrus oil*, *Chitosan + Polyoxin*, *Streptomyces lydicus WYEC 108*,...phòng trừ bệnh thối búp trên chè...

6. Kỹ thuật đốn chè

- Đốn tạo hình: Lần 1: Khi chè 2 tuổi, đốn thân chính cách mặt đất 12 - 15cm, đốn cành cách mặt đất 30 - 35 cm; Lần 2: Khi chè 3 tuổi, đốn cành chính cách mặt đất 30 - 35 cm, đốn cành tán cách mặt đất 40 - 45 cm.

- Đốn phớt: Hai năm đầu, mỗi năm đốn trên vết đốn cũ 5 cm. Sau đó mỗi năm đốn cao thêm 3 cm, khi vết đốn dưới cùng cao 70 cm so với mặt đất thì hàng năm chỉ đốn cao thêm 1 cm so vết đốn cũ.

Tuyệt đối không cắt tia cành la, đảm bảo độ che phủ, khép tán trên nương. Đối với nương chè sinh trưởng yếu, tán lá thưa mỏng, có thể áp dụng chu kỳ đốn 3 năm đối với chè ổn định kinh doanh.

- Đốn lũng: Những đồi chè đã được đốn phớt nhiều năm, vết đốn cao quá 90 cm so với mặt đất, nhiều cành tăm hương, u bướu, búp nhỏ, năng suất giảm thì đốn lũng cách mặt đất 60 - 65 cm; hoặc chè năng suất khá nhưng cây cao quá cũng đốn lũng cách mặt đất 70 - 75 cm.

- Đốn đau: Những đồi chè được đốn lũng nhiều năm, cành nhiều mấu, cây sinh trưởng kém, năng suất giảm rõ rệt thì đốn đau cách mặt đất 40 - 45 cm.

- Đốn trẻ lại: Những nương chè già, cần cỗi đã được đốn đau nhiều lần, năng suất giảm nghiêm trọng thì đốn trẻ lại cách mặt đất 10 - 25 cm.

- Thời vụ đốn: Từ tháng 11 đến tháng 12; nơi thường bị sương muối đốn muộn hơn; đốn đau trước, đốn phớt sau; đốn tạo hình chè con trước, đốn chè trưởng thành sau.

7. Thu hoạch

- Hái tạo hình chè kiến thiết cơ bản: Đối với chè 1 tuổi, từ tháng 10, hái búp ngọn những cây cao 60 cm trở lên; đối với chè 2 tuổi, hái búp trên những cây to khỏe và cách mặt đất 50 cm trở lên.

- Hái tạo hình sau khi đốn: Đối với chè đốn lần 1, đợt đầu hái cách mặt đất 40 - 45 cm, tạo thành mặt phẳng nghiêng theo sườn dốc, đợt 2 hái búp chừa 2 lá và lá cá; đối với chè đốn lần 2, đợt đầu hái cao hơn chè đốn lần 1 từ 25 - 30 cm, các đợt sau hái chừa bình thường như ở chè đốn lần 1.

- Hái bằng tay: Hái tôm và 2 - 3 lá non, khi trên tán có 30% số búp đủ tiêu chuẩn hái, không bỏ sót, không để quá lú, cứ 7 - 10 ngày hái 1 lú, tận thu búp mù xoè; thời vụ hái, vụ xuân (tháng 3 - 4), hái chừa 2 lá và lá cá, tạo tán bằng, những búp vượt cao hơn mặt tán thì hái sát lá cá; vụ hè thu (tháng 5 - 10), hái chừa 1 lá và lá cá, tạo tán bằng, những búp cao hơn mặt tán thì hái sát lá cá; vụ thu đông (tháng 11- 12), tháng 11 hái chừa lá cá, tháng 12 hái cả lá cá.

- Hái chè bằng máy: Áp dụng phổ biến cho vùng, giống sản xuất chè đen. Sau mỗi lần hái máy, tán chè cần được sửa bằng bằng dụng cụ thủ công.

- Hái chè trong mùa khô hạn cần tuyệt đối tuân thủ hệ số lá chừa. Đảm bảo nguyên tắc vết hái sau cao hơn vết hái trước tối thiểu 2 cm. Trong thời gian nắng hạn đợt biến ngừng thu hoạch chè bằng máy.

- Hái chè trên nương đốn trẻ lại, đốn đau thì tiến hành như đối với chè kiến thiết cơ bản.

8. Bảo quản

Chè búp tươi thu xong phải để nơi râm mát, bỏ trong sọt không nén chặt, không đựng trong bao kín, không để héo, lẫn bẩn với vật lạ, tạp chất, đưa đến nơi chế biến trong vòng 10 giờ sau khi hái./.